

Số: /QĐ-SGDĐT

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ Đại hội Thể dục thể thao ngành Giáo dục
tỉnh Lâm Đồng lần thứ I năm 2026**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc áp dụng Quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Thực hiện Kế hoạch số 46/KH-SGDĐT tỉnh ngày 11/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức Đại hội TDTT ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng lần thứ I năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục Trung học, Trưởng phòng Chính trị tư tưởng và công tác học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức Đại hội Thể dục thể thao ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, đặc khu; thủ trưởng các đơn vị trường học và các cá nhân tham gia tổ chức Đại hội Thể dục thể thao ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, năm 2026 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GDTTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thanh Hải

ĐIỀU LỆ

Đại hội TDTT ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng lần thứ I năm 2026 (gọi tắt là Đại hội)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /11/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đẩy mạnh phong trào thể thao trường học, duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh nhằm nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện.

- Đánh giá công tác giáo dục thể chất trong các trường phổ thông, phát hiện những học sinh có năng khiếu thể thao nhằm tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cho các tuyển vận động viên (VĐV) ở địa phương trong tỉnh. Đồng thời, thành lập đoàn thể thao ngành Giáo dục tham gia Đại hội TDTT tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, năm 2026 và giải Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc năm 2026.

2. Yêu cầu

- Ban Tổ chức Đại hội Sở GDĐT, các xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã), trường trung học phổ thông (THPT), Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và Trung tâm Giáo dục thường xuyên Đà Lạt (gọi chung là Trung tâm GDTX) phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa của Đại hội đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và học sinh nhằm khuyến khích động viên học sinh tham gia rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Tăng cường cơ sở vật chất, sân chơi bãi tập, nhà đa năng và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc dạy, học môn Giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa và thi đấu thể thao trường học.

- Các đơn vị cử vận động viên dự thi đúng đối tượng, độ tuổi và chịu trách nhiệm trước Ban Tổ chức (BTC) về nhân sự tham gia Đại hội theo quy định tại Điều lệ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh Luật, Điều lệ, các quy định của BTC Đại hội.

- Công tác tổ chức phải an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; tránh phô trương, hình thức, lãng phí và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao.

Điều 2. Tổ chức, chỉ đạo

1. Đại hội cấp trường: BTC Đại hội cấp trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, Phó trưởng ban và các ủy viên gồm lãnh đạo, giáo viên Giáo dục thể chất, cán bộ phụ trách đoàn, đội do Hiệu trưởng quyết định.

2. Đại hội cấp xã, phường, đặc khu: UBND các xã, phường, đặc khu thành lập BTC, gồm:

- Trưởng BTC là lãnh đạo UBND các xã, phường, đặc khu.
- Các phó trưởng BTC: Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội.
- Các ủy viên: Lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong và ngoài ngành Giáo dục.

3. Đại hội cấp tỉnh: Sở GDĐT thành lập BTC, gồm:

- Trưởng BTC là lãnh đạo Sở GDĐT.
- Các phó trưởng BTC: Lãnh đạo Sở GDĐT, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Công an tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh.
- Các ủy viên: Lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong và ngoài ngành Giáo dục.

Điều 3. Nội dung tổ chức Đại hội cấp tỉnh

1. Cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động (gọi chung là CC, VC) gồm 6 môn: Bóng chuyền (nam 6x6, nữ 6x6); Bóng chuyền hơi nữ; Kéo co; Bóng bàn; Cầu lông; Pickleball.

2. Học sinh: gồm 15 môn: Bóng đá nam TH, nam, nữ THCS, nữ THPT (mini 5 người); Bóng chuyền 6x6 (nam, nữ THCS; nam, nữ THPT); Bóng bàn (TH, THCS, THPT); Cầu lông (THCS, THPT); Điền kinh (TH, THCS, THPT); Karate (TH, THCS, THPT); Vovinam (TH, THCS, THPT); Taekwondo (TH, THCS, THPT); Võ cổ truyền (TH, THCS, THPT); Kéo co (THCS, THPT); Cờ vua (TH, THCS, THPT); Đẩy gậy (THCS, THPT); Chạy Cà kheo (THCS, THPT); Bắn nỏ - Bắn ná (THCS, THPT); Bơi (TH, THCS, THPT).

Điều 4. Đơn vị, đối tượng tham dự

1. Đơn vị tham dự: Sở GDĐT; các xã, phường, đặc khu (thành lập Cụm); trường THPT; Trung tâm GDTX là một đơn vị tham gia.

2. Đối tượng:

a) Đối tượng được tham dự:

- CBQL, CC, VC, NLĐ: Đang công tác tại Sở GDĐT; lãnh đạo UBND các xã, phường, đặc khu và Phòng Văn hóa - Xã hội (01 lãnh đạo phụ trách và 01 chuyên viên phụ trách giáo dục), các trường mầm non, TH, THCS, THPT, Trung tâm GDTX trong toàn tỉnh.

- Học sinh phổ thông; học viên giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là học sinh) có độ tuổi từ 18 tuổi trở xuống đang học tập tại các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.

b) Đối tượng không được tham dự:

- Những giáo viên đang hợp đồng thỉnh giảng theo giờ dạy.
- Học sinh đã ký hợp đồng về lĩnh vực TDTT với các tỉnh, thành phố ngoài tỉnh Lâm Đồng.
- Học sinh có tiền sử bệnh lý về tim mạch, thần kinh và các bệnh lý khác không đủ sức khỏe để thi đấu thể thao.
- Học sinh đang bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và học sinh vi phạm pháp luật (có văn bản của cơ quan có thẩm quyền).

c) Quy định về độ tuổi:

- Cán bộ quản lý, công chức:

- + Đến 40 tuổi (đến năm 1985).
- + Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).
- + Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

- Viên chức, người lao động:

- + Đến 30 tuổi (đến năm 1995).
- + Từ 31 tuổi đến 40 tuổi (từ năm 1994 đến năm 1985).
- + Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).
- + Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

- Học sinh TH từ 07 tuổi đến 11 tuổi:

- + Độ tuổi: 7 tuổi đến 9 tuổi (sinh năm 2019 đến năm 2017).
- + Độ tuổi: 10 tuổi đến 11 tuổi (sinh năm 2016 đến năm 2015).

- Học sinh THCS từ 12 tuổi đến 15 tuổi:

- + Độ tuổi: 12 tuổi đến 13 tuổi (sinh năm 2014 đến năm 2013).
- + Độ tuổi: 14 tuổi đến 15 tuổi (sinh năm 2012 đến năm 2011).

- Học sinh THPT: Từ 16 tuổi đến 18 tuổi (sinh năm 2010 đến năm 2008).

d) CC, VC: Mỗi VĐV chỉ được tham gia ở một lứa tuổi; VĐV ở lứa tuổi trên được tham gia thi đấu ở lứa tuổi dưới.

đ) Học sinh ở cấp học dưới nhưng quá tuổi theo quy định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị ở 01 cấp học và thi đấu 02 môn thể thao (không tính môn Kéo co).

e) Một số quy định khác:

- Tùy vào tình hình thực tế đăng ký của các đoàn, VĐV tham dự giải BTC sẽ quyết định thi đấu theo cấp xã, phường, đặc khu; cấp THPT, Trung tâm GDTX hoặc thi đấu chung.

- Cán bộ quản lý: Công chức (Sở GDĐT; lãnh đạo UBND, Phòng VHXXH các xã, phường, đặc khu), Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Viên chức: Giáo viên, người lao động.

Điều 5. Đăng ký tham gia thi đấu

1. Hồ sơ tham gia thi đấu:

a) Các hồ sơ đăng ký tham gia Đại hội (được in từ hệ thống) do Lãnh đạo các đơn vị ký tên và đóng dấu, gồm:

- Quyết định thành lập đoàn (có dấu đỏ).
- 02 danh sách tổng hợp đăng ký của đoàn (mẫu 1).
- 02 đăng ký chi tiết cụ thể từng môn thi đấu (mẫu 2).
- Phiếu dự thi: Vận động viên (mẫu 3).

b) Hồ sơ thi đấu

- Giấy khám sức khỏe (còn thời hạn 06 tháng tính đến ngày kết thúc thi đấu) của từng VĐV theo mẫu hiện hành và được cơ quan y tế đủ thẩm quyền kết luận sức khỏe bình thường hoặc sức khỏe loại I.

+ CC, VC: Giấy khám sức khỏe được **kết luận sức khỏe loại II** trở xuống phải có bản cam kết tham gia thi đấu thể thao.

+ Học sinh: Giấy khám sức khỏe được **kết luận sức khỏe loại II** trở xuống phải có bản cam kết của bố, mẹ đẻ hoặc người giám hộ đồng ý cho thi đấu thể thao.

- Môn Cờ vua không khám sức khỏe nhưng có giấy cam kết của đơn vị đảm bảo sức khỏe của VĐV tham gia thi đấu thể thao.

Ghi chú: Các loại hồ sơ thi đấu Ban Tổ chức sẽ lưu giữ.

Điều 6. Thủ tục đăng ký

1. Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tuyến trên hệ thống phần mềm của Đại hội (*hướng dẫn chi tiết thông báo sau*).

2. Thời gian đăng ký:

- Đăng ký sơ bộ các nội dung của từng môn trước 30 ngày tính đến ngày tổ chức kiểm tra hồ sơ nhân sự VĐV theo thời gian tổ chức của từng giai đoạn.

- Đăng ký chính thức các nội dung thi đấu của từng môn trước 15 ngày tính đến ngày kiểm tra hồ sơ nhân sự theo thời gian tổ chức của từng giai đoạn.

3. Thông tin bắt buộc khi đăng ký trực tuyến:

- Thông tin cá nhân VĐV.
- Ảnh chân dung có dung lượng file phải nhỏ hơn 2 MB, các định dạng cho phép: png, gif, jpg, jpeg và ảnh phải có kích thước nhỏ hơn 367x488 điểm ảnh.
- Mã học sinh (nguồn: cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT).
- Số định danh cá nhân (nguồn: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).
- Giấy khai sinh hoặc hộ chiếu (đối với học sinh dưới 14 tuổi).
- Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với học sinh từ đủ 14 tuổi trở lên).
- Đăng ký nội dung thi đấu các môn.

4. Hồ sơ kiểm tra nhân sự VĐV:

- Quyết định thành lập đoàn thể thao của CC, VC và học sinh tham dự Đại hội cấp tỉnh kèm theo hồ sơ liên quan được in từ file xuất trên hệ thống phần mềm đăng ký thi đấu Đại hội, có chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo (theo mẫu), gồm:

- Danh sách đoàn cán bộ, VĐV tham dự Đại hội.
- Danh sách đăng ký chi tiết nội dung thi của từng VĐV cho từng môn thi.
- Phiếu thi đấu của từng VĐV.

- Giấy khám sức khỏe của từng VĐV theo mẫu hiện hành và được cơ quan y tế đủ thẩm quyền kết luận “đủ sức khỏe thi đấu thể thao”, có thời hạn trong vòng 06 tháng.

5. Các quy định khác:

a) Điều kiện tổ chức các nội dung thi đấu: Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung có từ 03 đơn vị tham gia trở lên.

b) Trang phục:

- Trang phục tham dự Lễ khai mạc phải đồng phục theo đoàn.
- Trang phục thi đấu: Theo quy định tại Điều lệ, Luật của từng môn thể thao.

c) Thành phần đoàn:

- Trưởng đoàn là lãnh đạo UBND các xã, phường, đặc khu; THPT; Trung tâm GDNN- GDTX.

- Cán bộ phụ trách từng môn thi là các cán bộ, chuyên viên, giáo viên, huấn luyện viên, chỉ đạo viên do lãnh đạo Sở GDĐT, UBND các xã, phường, đặc khu, THPT, Trung tâm GDNN- GDTX quyết định.

d) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước BTC Đại hội về nhân sự của đơn vị mình.

Điều 7. Địa điểm và thời gian thi đấu

1. Địa điểm thi đấu:

- Giai đoạn 1: Tháng 01/2026 tại phường Phan Thiết.

Gồm các môn: Võ cổ truyền; Bơi; Bóng đá nam, nữ THCS; Bóng chuyền hơi nữ; Bóng bàn (học sinh); Cầu lông (học sinh), Taekwondo.

- Giai đoạn 2: Tháng 02/2026 tại phường Nam Gia Nghĩa.

Gồm các môn: Pickleball; Kéo co; Bóng chuyền; Bắn nỏ - Bắn ná.

- Giai đoạn 3: Tháng 3/2026 tại phường Xuân Hương - Đà Lạt.

Gồm các môn: Bóng bàn (CC, VC); Cầu lông (CC, VC); Bóng đá nam TH, nữ THPT; Cờ vua; Đẩy gậy; Karate; Vovinam; Chạy cà kheo; Điền kinh.

2. Thời gian thi đấu: Có thông báo cụ thể.

Điều 8. Tính điểm và xếp hạng

1. Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- Xếp thứ tự: 01 = 11 điểm, 02 = 09 điểm, 03 = 08 điểm; 04 = 07 điểm, 05 = 06 điểm (thứ 05 đến thứ 08 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp), 06 = 05 điểm, 07 = 04 điểm, 08 = 03 điểm, 09 = 02 điểm (thứ 09 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp), 10 = 01 điểm.

- Đối với các nội dung loại trực tiếp: Các đội có cùng thành tích ở cùng một vòng đấu sẽ tính đồng thứ hạng (chỉ lấy tối đa đến thứ tự thứ 16).

- Đối với các nội dung chia bảng: Kết thúc vòng bảng, ngoài các đội được lựa chọn vào thi đấu vòng tứ kết, bán kết, chung kết được xếp thứ hạng từ 01-08, các đội cùng thứ hạng còn lại ở mỗi bảng được tính điểm bằng nhau (các đội được xếp đến đồng hạng 09, thì các đội còn lại sẽ tính đồng hạng 10).

(Hướng dẫn chi tiết cách tính điểm xem tại Phụ lục)

- Cách tính điểm toàn năng: Xếp hạng 1 đạt 1 điểm; xếp hạng 2 đạt 2 điểm; xếp hạng 3 (đồng hạng 3) đạt 3 điểm; xếp hạng 4 đạt 4 điểm; xếp hạng 5 đạt 5 điểm; xếp hạng 6 đạt 6 điểm; xếp hạng 7 đạt 7 điểm; xếp hạng 8 đạt 8 điểm; xếp hạng 9 đạt 9 điểm; xếp hạng 10 đạt 10 điểm;.... . VĐV có tổng số thứ hạng của 03 nội dung thi đấu nhỏ nhất sẽ xếp hạng theo thứ tự Nhất, Nhì, đồng hạng Ba. Nếu vận động viên bằng điểm nhau thì xét kết quả thi đấu nội dung chạy 500m (TH), 800m (THCS), 800m (nữ THPT), 1500m (nam THPT) có thành tích tốt hơn sẽ xếp hạng trên. VĐV tham gia thi đấu toàn năng chỉ được cộng điểm toàn đoàn sau khi đã được xếp hạng toàn năng và điểm toàn năng được tính hệ số 2.

2. Cách tính điểm hệ số từng môn thi: Môn bóng đá hệ số 5; môn bóng chuyền và kéo co hệ số 2, các môn còn lại hệ số 1.

3. Điểm toàn đoàn của Đại hội: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị sau khi nhân hệ số. Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng của đơn vị đạt được. Trường hợp các đơn vị có tổng số huy chương Vàng, Bạc, Đồng bằng nhau thì đơn vị nào có số lượng VĐV tham gia Đại hội nhiều hơn xếp trên.

CHƯƠNG II ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 9. Môn Bóng đá

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Nam TH; nam, nữ THCS; nữ THPT.

3. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 1 đội gồm 10 VĐV.

4. Thể thức thi đấu: Thể thức thi đấu do BTC quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Luật thi đấu:

a) Áp dụng Luật Bóng đá 05 người hiện hành của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

b) Bóng thi đấu: Bóng số 4.

c) Thời gian thi đấu: mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

d) Mỗi đội phải có 2 bộ áo khác màu, VĐV phải có bọc ống quyển theo quy định của Luật bóng đá hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

a) Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 1 đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm, thua 0 điểm, hoà 1 điểm.

b) Xếp hạng giai đoạn 1:

- Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự: Số điểm; Hiệu số bàn thắng và số bàn thua; Tổng số bàn thắng. Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

- Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội trên.

c) Giai đoạn 2 thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

Điều 10. Môn Bóng chuyên

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Nam, nữ THCS, nam, nữ THPT, nam, nữ CC, VC.

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

a) Nếu có từ 32 đội trở xuống thi đấu theo phương thức sau:

- Giai đoạn I: Chia bảng đấu vòng tròn 1 lượt để chọn 2 đội nhất, nhì các bảng vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức $2n$).

- Giai đoạn II: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

b) Nếu có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu:

a) Áp dụng Luật Bóng chuyên hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Bóng thi đấu: Bóng Thăng Long.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

a) Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyên hiện hành.

b) Xếp hạng: Theo Luật Bóng chuyên hiện hành.

Điều 11. Môn Bóng chuyền hơi nữ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: 01 nội dung nữ dành cho CC, VC.

3. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số lượng các đơn vị đăng ký tham dự, BTC sẽ thông báo thể thức thi đấu trong cuộc họp chuyên môn.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 đội nữ (mỗi đội gồm: 01 Trưởng đoàn, 01 huấn luyện viên và 10 VĐV).

5. Luật thi đấu:

a) Áp dụng Luật thi đấu Bóng chuyền hơi đang hiện hành.

b) Bóng thi đấu: BTC sẽ thông báo sau.

6. Cách tính điểm xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

- Đội thắng nhiều trận sẽ xếp trên.

- Nếu 2 hoặc nhiều đội có cùng số trận thắng như nhau thì các bước sau đây sẽ được xem xét để quyết định thứ hạng:

+ Trận thắng với tỷ số 2-0, đội thắng được 3 điểm, đội thua 0 điểm.

+ Trận thắng với tỷ số 2-1, đội thắng được 2 điểm, đội thua 1 điểm; bỏ cuộc 0 điểm.

+ Nếu 2 hoặc nhiều đội có cùng số điểm, thì đội nào có tỷ số tổng hiệp thắng/hiệp thua lớn hơn sẽ xếp trên.

+ Nếu tỷ số này bằng nhau thì đội nào có tỷ số tổng điểm thắng/điểm thua lớn hơn sẽ xếp trên.

+ Nếu tỷ số này vẫn bằng nhau thì đội nào thắng trong trận đấu của 2 đội sẽ xếp trên.

7. Một số quy định khác: Các VĐV tham gia thi đấu, trang phục thi đấu theo quy định của môn Bóng chuyền hơi: Áo thun, quần ngắn thể thao, số áo của VĐV được đánh số thứ tự từ 1 đến 10, in ở trung tâm phía trước và phía sau cao 15 cm và 20 cm. Số quần được in ở bên ống quần phải với chiều cao 4 - 6 cm.

Điều 12. Môn Pickleball

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

- Cán bộ quản lý, công chức:

+ Đến 40 tuổi (đến năm 1985).

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).

+ Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974 trở lên).

- Viên chức, người lao động:

+ Đến 30 tuổi (đến năm 1995).

+ Từ 31 tuổi đến 40 tuổi (từ năm 1994 đến năm 1985).

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).

+ Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974 trở lên).

2. Nội dung thi đấu: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

3. Số lượng VĐV tham dự: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV tham dự như sau: 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu: Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu.

- Tùy theo số lượng VĐV đăng ký, BTC sẽ quyết định chọn thể thức thi đấu Loại trực tiếp một lần thua hoặc Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm với nguyên tắc các VĐV/Đôi cùng đơn vị sẽ phân chia đều vào các nhánh:

+ Nếu bảng (A, B, C, D....) trở lên thì lấy nhất, nhì mỗi bảng vào thi đấu theo nguyên tắc: bốc thăm phân cặp.

+ Vòng loại đến tứ kết mỗi trận đấu diễn ra 01 hiệp 11 điểm, 06 điểm đổi sân. VĐV/Đôi nào chạm 11 điểm trước sẽ dành chiến thắng.

- Vòng bán kết mỗi trận đấu diễn ra trong 01 hiệp 15 điểm, 08 điểm đổi sân. VĐV/Đôi nào chạm 15 điểm trước sẽ dành chiến thắng.

- Trận chung kết mỗi trận đấu diễn ra trong 03 hiệp 11 điểm, VĐV/Đôi nào thắng 02 hiệp trước là thắng cuộc. Trong mỗi hiệp đấu, VĐV/Đôi nào chạm 11 điểm trước sẽ dành chiến thắng ở hiệp đó.

5. Tính điểm và xếp hạng trong bảng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

a) Đôi có một trận thắng được 01 điểm, thua 0 điểm.

b) Đôi có tổng số điểm cao hơn thì xếp hạng trên.

c) Hai đôi có số điểm bằng nhau thì đôi nào thắng trong trận đối đầu trực tiếp thì xếp hạng trên.

d) Nếu 03 đôi trở lên trong bảng có cùng số điểm, để xác định các vị trí trong bảng sẽ căn cứ vào chỉ số phụ:

- Trường hợp 01:

+ Hiệu số giữa Tổng số hiệp thắng - Tổng số hiệp thua trong bảng.

+ Sau khi xác định được VĐV/Đôi xếp trên, còn lại 02 VĐV/Đôi nếu có chỉ số phụ bằng nhau, sẽ căn cứ vào kết quả trận thắng đối kháng.

- Trường hợp 02:

+ Hiệu số giữa tổng số hiệp thắng - Tổng số hiệp thua trong bảng.

+ Hiệu số giữa tổng số điểm thắng - Tổng số điểm thua trong bảng.

+ Sau khi xác định được VĐV/Đôi xếp trên, còn lại 02 đôi nếu có chỉ số phụ bằng nhau, sẽ căn cứ vào kết quả trận thắng đối kháng.

đ) Nếu 03 đôi trở lên trong bảng có cùng số điểm, cùng tất cả các chỉ số phụ thì sẽ tiến hành bốc thăm để phân định thứ hạng.

6. Các quy định khác:

a) Luật thi đấu: Luật thi đấu Pickleball quy định tại Quyết định số 494/QĐ-TĐTTVN ngày 26/5/2025 của Cục Thể dục thể thao Việt Nam về việc áp dụng tạm thời Luật thi đấu Pickleball USA tại Việt Nam và các quy định:

- Giao bóng chạm lưới vào ô quy định vẫn tiếp tục thi đấu.

- Giao bóng, lòng bàn tay song song với mặt đất.

- Trong giao bóng chân không được giẫm vạch trước khi bóng rời vợt.

- Chân không được giẫm vạch bếp hoặc di chuyển vào khu vực bếp khi đánh vô lê (kể cả khi đường bóng đã kết thúc).

- Khi đánh bóng, vợt hoặc bất kỳ bộ phận nào của cơ thể không được chạm lưới và cột lưới.

- VĐV được phép 01 lần sơ cứu (medical time out) trong 01 trận đấu nếu bị chấn thương (05 phút) và 01 lần time out trong 1 hiệp đấu (01 phút).

b) Bóng thi đấu: BTC sẽ thông báo sau.

Điều 13. Môn Bóng bàn

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

a) Cấp TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

b) Cấp THCS:

- Độ tuổi: 12 đến 13 tuổi: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

- Độ tuổi: 14 đến 15 tuổi: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

c) Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

d) CC, VC: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

- Cán bộ quản lý, công chức:

+ Đến 40 tuổi (đến năm 1985).

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).

+ Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

- Viên chức, người lao động:

+ Đến 30 tuổi (đến năm 1995).

+ Từ 31 tuổi đến 40 tuổi (từ năm 1994 đến năm 1985).

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).

+ Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp (các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

a) Cấp TH, THCS, THPT, GDTX: Các trận thi đấu trong 5 ván, thắng 03.

b) CC, VC: Các trận thi đấu trong 5 ván, thắng 03.

4. Số lượng VĐV tham dự: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV tham dự ở mỗi cấp học, mỗi lứa tuổi như sau: 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 02 nội dung.

5. Luật thi đấu:

a) Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Bóng thi đấu: BTC thông báo sau.

c) Trang phục thi đấu:

- Đồng phục trong thi đấu đôi.

- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua, tổng ván thắng/ván thua, tổng điểm thắng/ điểm thua của các đội đó với nhau.

Điều 14. Môn Cầu lông

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

a) Cấp THCS:

- Độ tuổi 12 đến 13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.
- Độ tuổi 14 đến 15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

b) Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

c) CC, VC: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

- Cán bộ quản lý, công chức:

- + Đến 40 tuổi (đến năm 1985).
- + Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).
- + Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

- Viên chức, người lao động:

- + Đến 30 tuổi (đến năm 1995).
- + Từ 31 tuổi đến 40 tuổi (từ năm 1994 đến năm 1985).
- + Từ 41 tuổi đến 50 tuổi (từ năm 1984 đến năm 1975).
- + Từ 51 tuổi trở lên (từ năm 1974).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp, các trận đều thi đấu trong 3 ván (các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

4. Số lượng VĐV: Mỗi lứa tuổi, cấp học được cử 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ, 02 đơn nam, 02 đơn nữ. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu không quá 02 nội dung.

5. Luật thi đấu:

a) Áp dụng Luật cầu lông hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Cầu thi đấu: BTC quy định (sẽ có thông báo sau).

c) Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đôi.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Tính điểm thi đấu đồng đội để xếp hạng ở vòng I: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua; tổng hiệp thắng/hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

Điều 15. Môn Điền kinh

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung:

a) Cấp TH (dành cho cả nam và nữ): Chạy 60m, bật xa tại chỗ, chạy 500m; chạy tiếp sức 4x50m; toàn năng (chạy 60m, bật xa tại chỗ, chạy 500m).

b) Cấp THCS:

- Nam: 100m; 200m; 400m; 500m; 1500m (lứa tuổi 12 đến 13); 1500m (lứa tuổi 14 đến 15); tiếp sức 4x100m; nhảy cao; nhảy xa.

- Nữ: 100m; 200m; 400m; 300m; 800m (lứa tuổi 12 đến 13); 800m (lứa tuổi 14 đến 15); tiếp sức 4x100m; nhảy cao; nhảy xa.

- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

- Toàn năng (chạy 100m, 800m, nhảy xa).

c) Cấp THPT:

- Nam: 100m; 200m; 400m; 800m; 500m; 1500m (lứa tuổi 16); 1500m (lứa tuổi 17 đến 18); tiếp sức 4x100m; nhảy cao; nhảy xa; đẩy tạ (5kg); toàn năng (chạy 100m, chạy 1500m, nhảy xa).

- Nữ: 100m; 200; 400m; 800m; 300m; 1500m (lứa tuổi 16); 1500m (lứa tuổi 17 đến 18); tiếp sức 4x100m; nhảy cao; nhảy xa; đẩy tạ (3kg); toàn năng (chạy 100m, chạy 800m, nhảy xa).

- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

3. Thể thức thi đấu: Các nội dung chung kết, gồm: 60m, 100m, 200m, tiếp sức 4x100m, tiếp sức 4x100m hỗn hợp, nhảy xa (chọn 08 học sinh). Các nội dung còn lại tính thời gian trực tiếp để xếp hạng.

4. Số lượng tham gia:

- Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung cá nhân và 01 nội dung tiếp sức.

- VĐV đăng ký thi đấu toàn năng không được thi đấu nội dung cá nhân, tiếp sức. VĐV thi đấu toàn năng phải thi đủ các nội dung mới được tính điểm xếp hạng toàn năng.

5. Một số quy định:

- Số đeo, đeo trước ngực, thi đấu nội dung tiếp sức phải mặc áo đồng phục.

- Trong thi đấu tiếp sức nếu trao gậy và nhận bị rút gậy thì VĐV trao gậy phải nhặt gậy trao cho người nhận mới coi là hợp lệ, khi trao xong gậy VĐV đi theo ô của mình thi đấu.

- Tiếp sức hỗn hợp qui định thứ tự thi đấu như sau: Nam=>Nữ=>Nam=>Nữ.

- Nhảy cao nữ THCS mức xà khởi điểm là: 1m25.

- Nhảy cao nam THCS mức xà khởi điểm là: 1m35.

- Nhảy cao nữ THPT mức xà khởi điểm là: 1m30.

- Nhảy cao nam THPT mức xà khởi điểm là: 1m40.

6. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành.

7. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 16. Môn Karate

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Tính chất thi đấu: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

3. Nội dung:

a) Cấp TH:

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV.

- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV.

- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ.

b) Cấp THCS:

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV + 01 dự bị.

- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV + 01 dự bị.

- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ.

- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam thi đấu 07 hạng cân: đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, trên 65kg.

+ Nữ thi đấu 07 hạng cân: đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg, đến 60kg, trên 60kg.

c) Cấp THPT:

- Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV + 01 dự bị.

- Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị.

- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ.

- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân:

+ Nam thi đấu 08 hạng cân: đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg, đến 75kg, trên 75kg.

+ Nữ thi đấu 08 hạng cân: đến 40 kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52 kg, đến 56 kg, đến 60 kg, đến 65kg, trên 65kg.

4. Số lượng VĐV tham gia:

- Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu.

- Mỗi VĐV chỉ đăng ký tham gia thi đấu tối đa 02 nội dung.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật Karate của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Tổng cục TDTT ban hành năm 2024 và các văn bản bổ sung Luật mới.

Các VĐV phải được trang bị bắt buộc:

- Quần áo thi đấu Karate đúng quy định.
- Các dụng cụ bảo vệ: Bịt răng, Crokulle, găng thi đấu 02 loại màu xanh, đỏ.
- Đai thi đấu 2 loại xanh đỏ.
- Bảo vệ ống quyển, bàn chân 2 màu xanh, đỏ.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 17. Môn Vovinam

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng

a) Cấp TH:

- Nam: Thập tự quyền (đơn nam); Song luyện 1; Đồng đội nam (mỗi đội gồm 05 VĐV): Thập tự quyền.

- Nữ: Thập tự quyền (đơn nữ); Song luyện 1; Đồng đội nữ (mỗi đội gồm 05 VĐV): Thập tự quyền.

b) Cấp THCS:

- Nội dung nam: Tứ trụ quyền; Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp; Song luyện 1; Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).

- Nội dung nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp, Song luyện 1, Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).

- Thi đấu đối kháng:

+ Nam thi đấu 07 hạng cân: Trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg.

+ Nữ thi đấu 07 hạng cân: Trên 39kg đến 42kg, trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg.

Ghi chú: VĐV hạng cân dưới được thi đấu ở hạng cân trên liền kề.

c) Cấp THPT:

- Nội dung nam: Ngũ môn quyền, Tứ tượng côn pháp, Song luyện số 3, Đa luyện tay không, Đa luyện vũ khí; Đòn chân tấn công nam: Mỗi đội gồm 04 VĐV, thi tổng cộng 08 đòn chân (mỗi VĐV thực hiện 02 đòn chân, sử dụng các đòn chân số: 07, 08, 09, 11, 12, 14, 17, 18).

- Nội dung nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp, Song luyện số 3, Đa luyện tay không, Đa luyện vũ khí; Tự vệ nữ: thực hiện tối thiểu 05 đòn thế cơ bản Vovinam (thời gian thực hiện bài thi tối đa là 03 phút).

- Thi đấu đối kháng:

+ Nam thi đấu 08 hạng cân: Trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg, trên 64kg đến 68kg.

+ Nữ thi đấu 08 hạng cân: Trên 39kg đến 42kg, trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg.

Ghi chú: Học sinh hạng cân dưới được thi đấu ở hạng cân trên liền kề.

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp.

4. Quy định số lượng đăng ký: Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

a) Thi quyền: Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV (01 đội) của mỗi nội dung (một bài) thi.

b) Thi đấu đối kháng: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở mỗi hạng cân.

c) Mỗi đơn vị được đăng ký: 50% nội dung thi đấu quyền thuật ở mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu:

a) Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23/3/2018.

b) Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, bảo vệ răng, băng tay của VĐV đơn vị tự trang bị (áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do BTC trang bị).

c) Các VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. BTC sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

d) Quy định chuyên môn:

- Thời gian thi đấu đối kháng: Cấp THCS mỗi thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút, nghỉ giữa các hiệp 30 giây. Cấp THPT thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 45 giây.

- Sau khi kết thúc 03 hiệp thi đấu chính thức, nếu 02 VĐV hòa điểm nhau, sẽ tiến hành thi đấu 01 **“hiệp phụ tính điểm vàng”** với thời gian tương ứng thời gian thi đấu hiệp chính ở mỗi cấp học (VĐV nào ghi điểm trước được tuyên bố thắng cuộc và trận đấu sẽ kết thúc ngay tại thời điểm đó. Nếu kết thúc **“hiệp phụ tính điểm vàng”**, 02 VĐV vẫn hòa điểm nhau thì (BTC) thì xét theo thứ tự như sau: BTC sẽ mời 02 VĐV (chỉ mặc võ phục mang đai và bảo hộ hạ bộ, không mang bảo hộ: răng, tay chân, găng, giáp, mũ bảo hộ) lên bàn BTC để cân xác định trọng lượng 01 lần duy nhất, VĐV nào có trọng lượng nhỏ hơn được tuyên bố thắng cuộc. Nếu trọng lượng 02 VĐV vẫn bằng nhau thì tiến hành bốc thăm để xác định VĐV thắng cuộc.

- Hình thức xếp hạng thi quyền: theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài chấm điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, huy chương bạc, các vận động viên, tập thể sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.

- Trang phục thi đấu của VĐV: Võ phục đúng quy cách (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in hoặc thêu cờ quốc gia trước, sau lưng và các loại cờ, logo ngoài quy định của BTC), thắt đai vàng trơn, bảo hộ tay chân, bảo vệ hạ bộ, bảo hộ răng, bình khí... của VĐV do đơn vị tự trang bị theo đúng quy định chuyên môn Vovinam; tóc sạch gọn, móng tay, móng chân cắt ngắn, không mang trang sức khi thi đấu.

- Trình độ: VĐV phải có trình độ chuyên môn từ Lam đai trở lên, thẻ đăng cấp do Liên đoàn/Hội Vovinam tỉnh thuộc hệ thống Liên đoàn Vovinam Việt Nam (VVF) cấp (từ Lam đai tam cấp trở xuống) hoặc Thẻ VĐV/Thẻ đăng cấp do VVF cấp (từ Hoàng đai trở lên). Các VĐV có thẻ đăng cấp không thuộc hệ thống VVF sẽ không được tham dự.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 18. Môn Taekwondo

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Tính chất thi đấu: Đối kháng cá nhân (nam, nữ); quyền cá nhân nam, nữ; đôi nam nữ.

3. Nội dung thi đấu:

a) Thi quyền tiêu chuẩn (standard poomsae) cá nhân nam, cá nhân nữ, đôi nam nữ.

- Cấp TH: Bài quyền bốc thăm 02 trong 06 bài quyền: Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo.

- Cấp THCS:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 07 bài quyền Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang.

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 05 bài quyền còn lại.

- Cấp THPT:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 08 bài quyền Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek.

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 06 bài quyền còn lại.

b) Đối kháng cá nhân:

- Cấp THCS:

+ Nam thi đấu 07 hạng cân: 41kg, 45kg, 49kg, 53kg, 57kg, 61kg, trên 61kg.

+ Nữ thi đấu 07 hạng cân: 37kg, 41kg, 44kg, 47kg, 51kg, 55kg, trên 55kg.

- Cấp THPT:

+ Nam thi đấu 08 hạng cân: dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg, trên 68kg.

+ Nữ thi đấu 08 hạng cân: dưới 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, trên 63kg.

4. Thể thức thi đấu: Đấu loại trực tiếp.

5. Số lượng VĐV tham gia:

- Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu.

- Mỗi VĐV chỉ đăng ký tham gia thi đấu tối đa 02 nội dung.

6. Luật thi đấu: Áp dụng Luật của Liên đoàn Taekwondo thế giới do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Thời gian thi đấu đối kháng:

- Cấp THCS: 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 01 phút.

- Cấp THPT: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 01 phút.

7. Quy định bắt buộc cho VĐV:

- Phải có mã hội viên và cấp đai từ đai xanh cấp 6 trở lên do Liên đoàn Taekwondo Việt nam cấp.

- Phải có võ phục Taekwondo có in tên đơn vị ở trước ngực và đuôi áo.

- Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

- Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (ống tay, ống chân, kuki, bàn tay).

- Áo giáp, mũ bảo hộ do BTC trang bị. (BTC chưa có)

8. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 19. Môn Võ cổ truyền

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Thi quyền thuật, đối kháng cấp TH, THCS và THPT.

a) Cấp TH: Bài căn bản công pháp số I (27 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam, nữ.

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

- Nội dung đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

- Bài Thần đồng quyền:

+ Nội dung biểu diễn cá nhân nam, nữ.

+ Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

+ Nội dung đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

b) Cấp THCS: Bài căn bản công pháp số II (36 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam, nữ.

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

- Nội dung đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

- Bài Ngọc Trản Quyền:

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

+ Nội dung đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

c) Cấp THPT: Bài căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam, nữ.

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

- Nội dung đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

- Bài Lão Mai Quyền:

+ Nội dung biểu diễn cá nhân nam, nữ.

+ Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đồng đội nam, đồng đội nữ; đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

3. Đối kháng cấp TH, THCS, THPT:

a) Cấp TH: Học sinh lớp 4 và lớp 5 được tham gia thi đấu.

- Nam thi đấu có 05 hạng cân: Trên 33kg - 36kg, trên 36kg - 39kg, trên 39kg - 42kg, trên 42kg - 45kg, trên 45kg - 48kg.

- Nữ thi đấu có 04 hạng cân: Trên 33kg - 36kg, trên 36kg - 39kg, trên 39kg - 42kg, trên 42kg - 45kg.

b) Cấp THCS: Học sinh lớp 8 và lớp 9 được tham gia thi đấu.

- Nam thi đấu có 07 hạng cân: Trên 39kg - 42kg, trên 42kg - 45kg, trên 45kg - 48kg, trên 48kg - 51kg, trên 51kg - 54kg, trên 54kg - 57kg, trên 57kg - 60kg.

- Nữ thi đấu có 06 hạng cân: Trên 39kg - 42kg, trên 42kg - 45kg, trên 45kg - 48kg, trên 48kg - 51kg, trên 51kg - 54kg, trên 54kg - 57kg.

c) Cấp THPT:

- Nam thi đấu có 07 hạng cân: Trên 42kg - 45kg, trên 45kg - 48kg, trên 48kg - 52kg, trên 52kg - 56kg, trên 56kg - 60kg, trên 60kg - 65kg, trên 65kg - 70kg.

- Nữ thi đấu có 06 hạng cân: Trên 39kg - 42kg, trên 42kg - 45kg, trên 45kg - 48kg, trên 48kg - 51kg, trên 51kg - 54kg, trên 54kg - 57kg.

4. Quy định số lượng đăng ký:

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV ở một hạng cân thi đấu đối kháng.

- Mỗi VĐV chỉ đăng ký tham gia thi đấu tối đa 02 nội dung (02 nội dung quyền thuật bất kỳ hoặc 01 quyền thuật + 01 nội dung đối kháng) cho mỗi cấp học.

- Mỗi đơn vị được đăng ký: 50% nội dung thi đấu quyền thuật ở mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu:

a) Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam hiện hành do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam ban hành.

b) Trang phục: Trang phục thi đấu, bảo hiểm hạ bộ, bảo vệ răng, băng tay của VĐV đơn vị tự trang bị (áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do BTC trang bị).

c) Các VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. Ban Tổ chức sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

d) Thời gian thi đấu đối kháng:

- Cấp TH: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.
- Cấp THCS: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 2 phút, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.
- Cấp THPT: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 2 phút, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 20. Môn Kéo co

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

a) Cấp THCS:

- Nội dung đội nam: Không quá 460kg.
- Nội dung đội nữ: Không quá 420kg.
- Nội dung nam nữ phối hợp (04 nam, 04 nữ): Không quá 430kg.

b) Cấp THPT:

- Nội dung đội nam: Không quá 520kg.
- Nội dung đội nữ: Không quá 440kg.
- Nội dung nam nữ phối hợp (04 nam, 04 nữ): Không quá 490kg.

c) CBQL, CC, VC, NLĐ:

- Nội dung đội nam: không quá 560kg.
- Nội dung đội nữ: không quá 480kg.
- Nội dung nam nữ phối hợp (04 nam, 04 nữ): không quá 520kg.

3. Thể thức thi đấu:

Căn cứ vào số lượng đội đăng ký tham gia thi đấu ở từng hạng cân, BTC sẽ quyết định thể thức thi đấu và công bố tại buổi họp chuyên môn (thi đấu loại trực tiếp một, hai lần thua hoặc thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm).

- Thi đấu trên sàn xi măng.
- VĐV mặc trang phục thi đấu đúng quy định của Luật.
- Thi đấu mỗi trận 3 hiệp, thắng 2.
- Mỗi hạng cân phải có từ 3 đội trở lên mới tổ chức thi đấu.

4. Số lượng VĐV tham gia:

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 đội nam, 01 đội nữ và 01 đội nam nữ ở mỗi nội dung.
- Mỗi đội gồm 10 VĐV (08 chính thức, 02 dự bị).

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 21. Môn Cờ vua

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Cờ nhanh cho tất cả các độ tuổi.

a) Cấp TH: Thi đấu theo 3 độ tuổi (6 tuổi đến 7 tuổi, 8 tuổi đến 9 tuổi, 10 tuổi đến 11 tuổi).

b) Cấp THCS: Thi đấu theo 2 độ tuổi (12 tuổi đến 13 tuổi, 14 tuổi đến 15 tuổi).

c) Cấp THPT: Thi đấu theo 2 độ tuổi (16 tuổi, 17 tuổi đến 18 tuổi).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu cá nhân, đồng đội.

a) Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván nếu có từ 11 đến 20 VĐV hoặc 9 ván nếu có 21 VĐV trở lên. Trường hợp có 10 VĐV trở xuống thì thi đấu vòng tròn 01 lượt.

b) Thời gian thi đấu cho mỗi đối thủ là: 25 phút để hoàn thành ván cờ đối với ván cờ nhanh.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 VĐV nam và 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, mỗi nội dung thi đấu.

5. Luật thi đấu: Theo Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

a) Xếp hạng cá nhân theo điểm, tổng điểm đối kháng trong nhóm bằng điểm, hệ số Bucholz, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

b) Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm đạt theo xếp hạng của 02 VĐV nam hoặc 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên. Điểm đồng đội không cộng trong điểm toàn toàn.

7. Quy định khác: Các đơn vị cử học sinh tham gia thi đấu chịu trách nhiệm về sức khỏe của học sinh. Giấy xác nhận của đơn vị về cam kết của học sinh đủ sức khỏe tham gia nội dung mà học sinh sẽ thi đấu (hoặc Giấy khám sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện trở lên cấp).

Điều 22. Môn Đẩy gậy

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Thi đấu cá nhân

a) Cấp THCS:

- Nam thi đấu 08 hạng cân: Đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 50kg đến 53kg, trên 53kg đến 56 kg, trên 56kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg.

- Nữ thi đấu 08 hạng cân: Đến 35kg, trên 35kg đến 38kg, trên 38kg đến 41kg, trên 41 đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 51kg đến 53kg, trên 53 đến 57kg.

b) Cấp THPT:

- Nam thi đấu 08 hạng cân: Đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg, trên 64kg đến 68kg.

- Nữ thi đấu 08 hạng cân: Đến 42kg, trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 64kg.

3. Thể thức thi đấu: Tùy vào số lượng VĐV tham dự BTC sẽ quy định thể thức thi đấu.

- Thi đấu trên sàn gỗ.

- VĐV mặc trang phục thi đấu đúng quy định của Luật Đẩy gậy.

- Thi đấu mỗi trận 3 hiệp, thắng 2.

- Mỗi hạng cân phải có từ 3 đội trở lên mới tổ chức thi đấu.

4. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV ở mỗi hạng cân.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 23. Môn Chạy cà kheo

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

- Cấp THCS: nam, nữ 100m, 200m.

- Cấp THPT: nam, nữ 100m, 200m.

3. Tính chất: Thi đấu cá nhân.

4. Thể thức thi đấu

a) Thi đấu loại trực tiếp ở các vòng thi đấu.

b) BTC sẽ tiến hành bốc thăm cho các đơn vị theo tứ tự đường chạy và đợt chạy; chọn 08 VĐV đạt thành tích tốt nhất của các đợt chạy vào thi đấu chung kết.

- Cách tính điểm xếp hạng

+ Dựa trên thành tích của VĐV được tính bằng thời gian. VĐV nào có thời gian hoàn thành đường chạy ngắn nhất sẽ được xếp trên.

+ Nếu 2 hoặc nhiều VĐV có thành tích bằng nhau thì tiếp tục thi đấu để phân thứ hạng.

c) Các quy định khác

- Dụng cụ thi đấu: Vận động viên tham gia tự túc dụng cụ thi đấu nhưng phải tuân theo quy định của BTC, cụ thể như sau:

- Chiều cao của Cà kheo tối đa là 2m, bậc đế chân cao 50cm đến 55cm. Đế chân Cà kheo không được thiết kế vật liệu có hỗ trợ lực, có tính đàn hồi (lò xo).

- Trong quá trình thi đấu nếu Cà kheo của vận động viên bị gãy, hỏng hoặc bị ngã (chân chạm đất khi chưa về tới đích) sẽ không được tiếp tục thi đấu.

- Trang phục thi đấu: Các vận động viên tham gia thi đấu phải mặc trang phục dân tộc hoặc trang phục thể thao.

5. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV ở mỗi nội dung. Mỗi VĐV được đăng ký 01 nội dung thi đấu.

6. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu hiện hành.

7. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

Điều 24. Môn Bắn nỏ - Bắn ná

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Tính chất thi đấu: Cá nhân nam, nữ; đội nam; đội nữ.

3. Nội dung Bắn nỏ: 08 nội dung.

- Cá nhân nam, nữ, đội nam, đội nữ đứng bắn.

- Cá nhân nam, nữ, đội nam, đội nữ quỳ bắn.

4. Môn Bắn ná: 08 nội dung.

- Cá nhân nam, nữ, đội nam, đội nữ đứng bắn.

- Cá nhân nam, nữ, đội nam, đội nữ quỳ bắn.

5. Cách tính điểm xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

- Bốc thăm thứ tự bắn, tính tổng điểm của số tên bắn thật, điểm cao xếp trên, điểm thấp xếp dưới.

- Nếu có vận động viên bằng điểm nhau thì lần lượt xét:

+ Số lần trúng vòng điểm cao (từ vòng 10, 9, 8...,1).

+ Xét điểm chạm gần tâm của lần trúng vòng điểm cao (từ vòng 10, 9, 8...,1).

+ Bốc thăm.

6. Số lượng VĐV tham gia:

- Mỗi đơn vị đăng ký 01 VĐV cho mỗi nội dung và 01 VĐV được đăng ký tối đa 02 nội dung.

- Mỗi đơn vị đăng ký 03 VĐV (*nam, nữ*) cho mỗi nội dung thi đấu đội nam, nữ.

7. Các quy định khác:

a) Dụng cụ thi đấu

- Vận động viên tham gia tự túc dụng cụ thi đấu nhưng phải tuân theo quy định của BTC, cụ thể như sau:

+ Nỏ, Ná phải theo đúng hình dạng truyền thống của dân tộc; không được làm biến dạng như có báng, tỳ vai, tay cầm và hệ thống ngắm.

+ Dây Nỏ, Ná (dây bắn) được làm bằng loại dây thực vật, động vật hoặc chất liệu khác. Không được dùng dây kim loại.

+ Tên được làm bằng tre hoặc loại cây họ tre như luồng, vầu... và không quy định kích thước, trọng lượng, độ dài của tên. Tên có thể có cánh để tạo độ bay chuẩn.

+ Lấy Ná được dùng bằng lấy giữa (cò chữ T, chữ Y, chữ I), lấy Nỏ, Ná không được dùng lò xo hoặc các hình thức hãm khác.

- Trong quá trình bắn: Nếu đứt dây khi đã bắn (tên đã bật ra khỏi Nỏ, Ná) thì xác định là một lần bắn.

- Không tính một lần bắn:

+ Nếu đứt dây Nỏ, Ná khi chưa bắn thì được phép thay Nỏ, Ná và bắn lại.

+ Khi tên được đặt vào khe đặt tên, chưa làm động tác bắn (dây Nỏ, Ná chưa bật) hoặc tên rơi xuống đất thì được phép nhặt lên tiếp tục bắn.

+ Trường hợp đã bắn nhưng tên bị kẹt trên Nỏ, Ná được phép bắn lại.

b) Trang phục thi đấu: Các vận động viên tham gia thi đấu phải mặc trang phục dân tộc hoặc trang phục thể thao.

Điều 25. Môn bơi

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2 Điều 4 Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Áp dụng cho cả nam và nữ (nhóm tuổi tính theo năm sinh)

a) Cấp Tiểu học: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2015)

- Nhóm 1 (7 tuổi, sinh năm 2019): Bơi tự do: 25m; Bơi ếch 25m.
- Nhóm 2 (8 tuổi, sinh năm 2018): Bơi tự do: 25m; Bơi ếch 25m.
- Nhóm 3 (9 tuổi, sinh năm 2017): Bơi tự do: 25m; Bơi ếch 25m.
- Nhóm 4 (10 tuổi, sinh năm 2016): Bơi tự do: 25m; Bơi ếch 25m.
- Nhóm 5 (11 tuổi, sinh năm 2015): Bơi tự do: 25m; Bơi ếch 25m.
- Bơi tiếp sức 4x25m (học sinh cấp Tiểu học).
- Bơi tiếp sức hỗn hợp 4x25m (học sinh cấp Tiểu học).

b) Cấp Trung học cơ sở: 15 tuổi trở xuống (năm 2011)

- Nhóm 6 (12 tuổi, sinh năm 2014): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Nhóm 7 (13 tuổi, sinh năm 2013): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Nhóm 8 (14 tuổi, sinh năm 2012): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Nhóm 9 (15 tuổi, sinh năm 2011): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Bơi tiếp sức 4x50m (học sinh cấp THCS).
- Bơi tiếp sức hỗn hợp 4x50m (học sinh cấp THCS).

c) Cấp Trung học phổ thông, GDTX: 18 tuổi trở xuống (sinh năm 2008)

- Nhóm 10 (16 tuổi, sinh năm 2010): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Nhóm 11 (17 tuổi, sinh năm 2009): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Nhóm 12 (18 tuổi, sinh năm 2008): Bơi tự do: 50m; Bơi ếch: 50m.
- Bơi tiếp sức 4x50m (học sinh cấp THPT, GDTX).
- Bơi tiếp sức hỗn hợp 4x50m (học sinh cấp THPT, GDTX).

3. Thể thức thi đấu:

- Thi đấu cá nhân, đồng đội theo các nhóm tuổi quy định với thể thức tính thời gian trực tiếp để xếp hạng.
- Mỗi đơn vị chỉ được đăng ký 02 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi nội dung và 01 đội tiếp sức (nam, nữ, phối hợp nam nữ) ở cấp học.
- Điều kiện tổ chức các nội dung thi đấu: Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung có từ 03 đơn vị tham gia trở lên.

4. Quy định số lượng đăng ký:

- Mỗi học sinh chỉ được tham gia tối đa 02 nội dung thi đấu.
- Mỗi học sinh chỉ được đăng ký 01 nội dung bơi Tự do (hoặc bơi Éch) và 01 nội dung bơi Tiếp sức.
- Tiếp sức hỗn hợp qui định thứ tự thi đấu như sau: Nam=>Nữ=>Nam=>Nữ.
- Mỗi đơn vị được đăng ký: 50% nội dung thi đấu ở mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu hiện hành.

6. Cách tính điểm xếp hạng: Theo Điều 8 Chương I của Điều lệ này.

CHƯƠNG III

KHIẾU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 26. Khiếu nại

1. Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại bằng văn bản gửi cho Trọng tài môn thi.

- Về nhân sự: Khiếu nại trước khi bốc thăm xếp lịch thi đấu.
- Về kỹ thuật: Khiếu nại trong quá trình trận đấu đang diễn ra.

2. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, Luật do Trọng tài từng môn xử lý, giải quyết tại điểm thi đấu. Trọng tài môn thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của BTC Đại hội và Tổng trọng tài về những vấn đề khiếu nại. Không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

3. Khiếu nại về nhân sự: Chỉ có Trưởng đoàn mới có quyền khiếu nại và phải có văn bản nộp cho BTC Đại hội. BTC sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 30 ngày sau khi Đại hội kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 27. Khen thưởng

Căn cứ vào kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, BTC Đại hội khen thưởng như sau:

1. CC, VC:

- Giải cá nhân, đôi: Trao huy chương. Giải tập thể: Trao cờ, huy chương.
- Cơ cấu giải: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba (cá nhân, đôi và tập thể).
- Toàn đoàn:

+ Các Cụm: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 2 giải Khuyến khích.

+ Trường THPT, Trung tâm GDTX: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 2 giải Khuyến khích.

2. Học sinh:

- Cá nhân: Trao huy chương và cấp giấy chứng nhận học sinh (THPT) Giỏi TDTT cấp tỉnh cho các cá nhân đạt giải Nhất, Nhì, Ba (02 giải Ba) ở từng nội dung thi.

- Giải đôi: Trao huy chương. Giải tập thể: Trao cờ, huy chương.

- Toàn đoàn:

+ Các Cụm: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 2 giải Khuyến khích.

+ Trường THPT, Trung tâm GDTX: 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 06 giải Ba, 08 giải Khuyến khích.

3. Căn cứ kết quả tổ chức Đại hội các cấp và thành tích của các đoàn tại Đại hội cấp tỉnh, BTC tham mưu tặng Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT cho các tập thể và cá nhân tiêu biểu hoàn thành tốt các nhiệm vụ tại Đại hội cấp tỉnh.

Điều 28. Kỷ luật

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của BTC Đại hội và từng môn thể thao trong chương trình; có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân, tập thể vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật sẽ bị cảnh cáo và **trừ 30** điểm trong tổng số điểm Đại hội của đơn vị đó.

3. BTC Đại hội sẽ kiến nghị Sở GDĐT không xếp loại thi đua theo tiêu chí đánh giá công tác thi đua của Sở GDĐT đối với đơn vị có vi phạm, tùy theo mức độ vi phạm sẽ thông báo toàn tỉnh và kiến nghị xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm theo tinh thần của Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao”./.

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH ĐIỂM ĐẠI HỘI TDTT NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ I NĂM 2026

- Đối với các nội dung loại trực tiếp: các đội có cùng thành tích ở cùng một vòng đấu sẽ tính đồng thứ hạng (chỉ lấy tối đa đến thứ tự thứ 16).

Ví dụ: nội dung đơn nam môn cầu lông có 30 vận động viên thi đấu, theo cách như trên thì điểm mỗi VĐV sẽ được tính của từng vòng như sau:

+ 02 đội thắng ở bán kết: xếp thứ tự 01, 02.

+ 02 đội thua ở bán kết: xếp thứ tự 03, 04 (nếu không tranh 03-04 thì sẽ xếp đồng hạng 3).

+ 04 đội thua ở tứ kết: xếp đồng hạng 05 (thứ tự từ 05-08).

+ 08 đội thua ở vòng 1/8: xếp đồng hạng 09 (thứ tự từ 09-16).

Như vậy, với cách tính điểm như trên với các nội dung thi đấu loại trực tiếp sẽ tính điểm được tối đa đến đội thứ 16, không xếp thứ hạng thứ 10.

- Đối với các nội dung chia bảng: kết thúc vòng bảng, ngoài các đội được lựa chọn vào thi đấu vòng tứ kết, bán kết, chung kết được xếp thứ hạng từ 01-08, các đội cùng thứ hạng còn lại ở mỗi bảng được tính điểm bằng nhau (các đội được xếp đến đồng hạng 09, thì các đội còn lại sẽ tính đồng hạng 10).

Ví dụ:

Đối với những nội dung có chia 04 bảng, mỗi bảng 05 đội, tùy thuộc thể thức thi đấu, trong trường hợp này sau khi thi đấu vòng tròn 1 lượt tính điểm, xếp hạng/bảng, sẽ lựa chọn 02 đội nhất, nhì của mỗi bảng vào thi đấu vòng 2:

+ 08 đội được lựa chọn vào thi đấu vòng 1/8, như vậy theo cách tính điểm trên đã xác định được 08 thứ hạng (sau khi thi đấu tứ kết, bán kết, chung kết sẽ xác định cụ thể được từng hạng và tính tương ứng ra điểm).

+ 04 đội xếp thứ 03 của mỗi bảng: vì lý do đã xác định được 08 thứ hạng, do đó 04 đội này sẽ được tính đến thứ hạng thứ 09 và xếp đồng hạng.

+ Các đội còn lại: xếp thứ 04, 05 của mỗi bảng sẽ xếp đồng hạng 10.